

**TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ HOÀNG MAI**  
**QUY ƯỚC MÃ HOÁ CÁC CAN THIỆP TRONG CSNB (CS)**

<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đón tiếp, xếp giường</li> <li>2. Đo dấu hiệu sinh tồn</li> <li>3. Báo BS khám</li> <li>4. Hướng dẫn nội quy, quyền, nghĩa vụ</li> <li>5. Hỏi tiền sử dị ứng</li> <li>6. Cho NB nằm tư thế Fowler</li> <li>7. Cho NB nằm tư thế thích hợp</li> <li>8. Duy trì luyện tập hàng ngày</li> <li>9. Cho NB đi vật lý trị liệu</li> <li>10. Xoa bóp vùng tỷ đè, co duỗi chi</li> <li>11. Đánh giá số lượng, tính chất màu sắc dịch dẫn lưu</li> <li>12. Đánh giá số lượng, tính chất màu sắc dịch tiết</li> <li>13. TD tình trạng tính chất mức độ đau</li> <li>14. Theo dõi tri giác</li> <li>15. Đánh giá toàn trạng</li> <li>16. Đánh giá mức độ phù</li> <li>17. Tập cho NB ho có hiệu quả</li> <li>18. Theo dõi cơn ho</li> <li>19. Vỗ rung</li> <li>20. Chườm ấm</li> <li>21. Rút truyền</li> <li>22. Theo dõi truyền dịch</li> <li>23. TD tình trạng xuất huyết</li> <li>24. Phụ giúp BS làm thủ thuật</li> <li>25. Đặt sonde tiêu</li> <li>26. Rửa bàng quang</li> <li>27. Đặt sonde dạ dày</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>28. Cho NB ăn qua sonde</li> <li>29. Rửa dạ dày</li> <li>30. Thụt tháo</li> <li>31. Rút sonde</li> <li>32. Rút dẫn lưu</li> <li>33. Hút đờm</li> <li>34. Khí dung</li> <li>35. Cho NB thở oxy</li> <li>36. Dùng thở oxy</li> <li>37. Theo dõi SPO2</li> <li>38. Lắp máy monitor</li> <li>39. Ép tim</li> <li>40. Bóp bóng</li> <li>41. Chuyển khoa và bàn giao thủ tục</li> <li>42. Chuyển viện và bàn giao thủ tục</li> <li>43. Bàn giao NB</li> <li>44. Mời hội chẩn</li> <li>45. Lấy và TD đường máu mao mạch</li> <li>46. Cắt móng quặp</li> <li>47. Gọt chai chân</li> <li>48. Thay băng</li> <li>49. Cắt chỉ</li> <li>50. Chuẩn bị NB đi phẫu thuật</li> <li>51. Chuyển NB đi phẫu thuật</li> <li>52. Nhận NB vào phòng mổ</li> <li>53. Thực hiện quy trình bảng kiểm ATPT</li> <li>54. Chuyển NB ra hồi tỉnh</li> <li>55. Nhận NB từ phòng mổ về</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>56. Nuôi dưỡng đường tĩnh</li> <li>57. Chiều tia PLASMA</li> <li>58. Đặt nẹp cố định</li> <li>59. Đánh giá vết mổ</li> <li>60. Thay áp lực dẫn lưu vết mổ</li> <li>61. Thay túi dẫn lưu</li> <li>62. Thay túi hậu môn nhân tạo</li> <li>63. Chăm sóc hậu môn nhân tạo</li> <li>64. Kê cao chân</li> <li>65. Treo, kê tay cho NB</li> <li>66. Đo thị lực</li> <li>67. Bơm thông lệ đạo</li> <li>68. Băng mắt</li> <li>69. Hút rửa mũi xoang</li> <li>70. Nhét meche mũi</li> <li>71. Đo chiều cao tử cung, vòng bụng</li> <li>72. Đo con co tử cung</li> <li>73. Nghe tim thai</li> <li>74. Lắp máy TD monitor sản khoa</li> <li>75. Đánh giá độ lọt của ngôi ọa nắn ngoài</li> <li>76. Bám ối</li> <li>77. HD sản phụ rặn đẻ</li> <li>78. Chuẩn bị thuốc, dụng cụ rặn đẻ</li> <li>79. Chuẩn bị thuốc, dụng cụ đỡ đẻ</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>80. Thực hiện da kê da</li> <li>81. CS sơ sinh ngay sau đẻ (lau khô, hút nhớt, ủ ấm)</li> <li>82. Cắt rốn</li> <li>83. Khâu tầng sinh môn</li> <li>84. Đo cao tử cung đánh giá mật độ tử cung</li> <li>85. Đánh giá sản dịch: số lượng, màu sắc, mùi</li> <li>86. Đánh giá tầng sinh môn</li> <li>87. Đánh giá số lượng, màu sắc nước tiểu</li> <li>88. Đánh giá tình trạng trẻ sơ sinh: toàn trạng, bú mẹ, phân su, vàng da...</li> <li>89. Tắm bé, chăm sóc rốn</li> <li>90. Làm thuốc âm hộ, âm đạo, tầng sinh môn</li> <li>91. Đánh giá tình trạng ra máu âm đạo</li> <li>92. Đỡ đỡ ngôi mặt</li> <li>93. Kiểm soát tử cung</li> <li>94. Xoa đáy tử cung</li> <li>95. Xoa bóp vú thông tuyến sữa sau sinh.</li> <li>96. Bàn giao trẻ sơ sinh</li> <li>97. Chuẩn bị thuốc, dụng cụ cấp cứu sản giật</li> <li>98. Tháo máy monitor</li> <li>99. Đặt sonde hậu môn</li> <li>100. Ra viện</li> </ol>
<b>Thực hiện thuốc theo chỉ định (T):</b>	<b>Thực hiện theo chỉ định(CLS):</b>	<b>Tư vấn, giáo dục sức khoẻ(HD):</b>	<b>Tư vấn, giáo dục sức khoẻ(HD):</b>
<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thực hiện y lệnh thuốc</li> <li>2. Thực hiện theo y lệnh bổ sung</li> <li>3. Truyền máu</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Huyết học</li> <li>2. Sinh hoá</li> <li>3. Nước tiểu</li> <li>4. Siêu âm</li> <li>5. Chụp X-Quang</li> <li>6. Điện tim</li> <li>7. Chụp CT</li> <li>8. Chụp MRI</li> <li>9. Lấy bệnh phẩm làm XN</li> <li>10. Đưa NB đi làm XN CLS</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tư vấn giáo dục sức khoẻ. Cung cấp kiến thức về bệnh.</li> <li>2. HD chế độ ăn theo y lệnh</li> <li>3. HD vận động, nghỉ ngơi, vệ sinh</li> <li>4. Động viên tin thần</li> <li>5. HD vệ sinh răng miệng</li> <li>6. HD liệu pháp tập thở</li> <li>7. HD thay đổi tư thế</li> <li>8. Phòng chống loét cho NB</li> <li>9. HD xoa bóp kích thích lưu thông tuần hoàn</li> <li>10. HD NB ngủ</li> <li>11. HD phòng ngừa biến chứng</li> <li>12. HD chườm (ấm, lạnh)</li> <li>13. HD NB xoa bóp, vận động chi</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>14. HD NB tập nói, tăng giao tiếp</li> <li>15. HD NB tập nuốt</li> <li>16. HD bù nước điện giải</li> <li>17. HD NB tập đi tiểu</li> <li>18. HD tái khám</li> <li>19. HD các thủ tục ra viện</li> <li>20. HD sản phụ xoa đáy tử cung</li> <li>21. HD NB phát hiện các dấu hiệu bất thường</li> <li>22. HD và hỗ trợ sản phụ cho con bú</li> <li>23. HD sản phụ và người nhà cách chăm sóc trẻ</li> <li>24. HD người nhà phối hợp với NVYT theo dõi NB</li> <li>25. HD nghỉ ngơi tại giường.</li> </ol>

